

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/DS-ST
Ngày: 13 / 9 / 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Quốc Vũ;

+ Bà Bùi Thị Phương Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B); trụ sở chính: A T, Phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thành Đ - chức vụ: Trưởng Phòng QLRR – Ngân hàng TMCP Đ1 – chi nhánh B1 (Giấy ủy quyền số 2867/GUQ-BIDV.BAG ngày 30/11/2023); (có mặt).

Bị đơn: Bà Đinh Thị Tuyết M, sinh năm 1994; địa chỉ: khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 09/9/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - chi nhánh B1 (sau đây được viết tắt là B - chi nhánh B1) và bà Đinh Thị Tuyết M đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ. Theo đó, B - chi nhánh B1 cho bà M vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của bên vay và gia đình, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức thanh toán tự động trừ tài khoản, bắt đầu kỳ đầu tiên vào ngày 15/10/2015. Bà M đã nhận đủ tiền từ B chi nhánh B1 theo Bảng kê rút vốn ngày 15/9/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ khi ký kết ngày 09/9/2015 đến ngày 29/12/2017, bà M đã trả 3.791.768 đồng (trong đó, vốn gốc 3.200.000 đồng, lãi trong hạn 591.768 đồng) thì ngưng không tiếp tục trả nợ cho B - chi nhánh B1 theo hợp đồng đã ký kết.

B - chi nhánh B1 đã gửi nhiều thông báo yêu cầu bà M thanh toán nợ nhưng phía bà M vẫn không thực hiện. Vì vậy, B khởi kiện yêu cầu bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho B khoản nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 09/9/2015 với số tiền tính đến hết ngày 11/9/2024 là 14.727.707 đồng (trong đó, nợ gốc 6.800.000 đồng; lãi trong hạn 6.883.813 đồng, lãi phạt cho gốc 1.043.894 đồng) và buộc bà M phải tiếp tục chịu toàn bộ lãi vay phát sinh sau ngày 11/9/2024 với lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 09/9/2015 cho đến khi trả hết nợ cho B.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 09/9/2015 giữa B - chi nhánh B1 với bà Đinh Thị Tuyết M, bảng kê rút vốn ngày 15/9/2015, thông báo về việc thu hồi nợ gốc và lãi ngày 24/10/2019, thông báo về việc thu hồi nợ gốc và lãi ngày 18/02/2020, thông báo về việc thu hồi nợ gốc và lãi ngày 25/10/2022 và các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

- Bị đơn bà Đinh Thị Tuyết M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Đinh Thị Tuyết M. Yêu cầu bà M trả vốn lãi tính đến hết ngày 11/9/2024 là 14.727.707 (trong đó, vốn gốc còn lại 6.800.000 đồng, lãi cộng dồn 6.883.813 đồng, lãi phạt cho gốc 1.043.894 đồng). Đồng thời, yêu cầu bà M tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày 11/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ uật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Thỏa thuận vay nợ giữa đôi bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Thực hiện hợp đồng vay phí bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M trả một lần số nợ tiền vốn và lãi còn nợ là 14.727.707 đồng tính đến ngày 11/9/2024.

Đề nghị căn cứ các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B) khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị Tuyết M trả nợ vay. Bà M đang cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu kiện của B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 09/9/2015 giữa B - chi nhánh B1 với bà Đinh Thị Tuyết M được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 09/9/2015 thể hiện bà M được B - chi nhánh B1 giải ngân số tiền 10.000.000

đồng thông qua Bảng kê rút vốn ngày 15/9/2015. Sau khi vay cho đến ngày 29/12/2017, bà M đã trả 3.791.768 đồng (trong đó, vốn gốc 3.200.000 đồng, lãi trong hạn 591.768 đồng) thì ngưng không tiếp tục trả nợ cho B - chi nhánh B1 theo hợp đồng đã ký kết. Bà M còn nợ tính đến hết ngày 11/9/2024 là 14.727.707 (trong đó, vốn gốc còn lại 6.800.000 đồng, lãi cộng dồn 6.883.813 đồng, lãi phạt cho gốc 1.043.894 đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 11/9/2024.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên B khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của B; buộc bà Đinh Thị Tuyết M trả cho B số tiền tính đến hết ngày 11/9/2024 là 14.727.707 (trong đó, vốn gốc còn lại 6.800.000 đồng, lãi cộng dồn 6.883.813 đồng, lãi phạt cho gốc 1.043.894 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 09/9/2015 kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho B là 736.500 đồng.

B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho B số tiền tạm ứng án phí 349.000 đồng mà B đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 100 và 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B).

Buộc bà Đinh Thị Tuyết M trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B) số tiền **14.727.707 (mười bốn triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm lẻ bảy) đồng** (trong đó: vốn gốc còn lại 6.800.000 đồng, lãi cộng dồn 6.883.813 đồng, lãi phạt cho gốc 1.043.894 đồng)

Kể từ ngày 12/9/2024, bà Đinh Thị Tuyết M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2015//HĐTD ngày 09/9/2015 cho đến

khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 thì lãi suất mà bà M vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thị Tuyết M phải chịu **736.500 (bảy trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 349.000 (ba trăm bốn mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003240 ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Đinh Thị Tuyết M là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc